TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Bản án số: 45/2022/DS - ST
Ngày 16/9/2022
V/v: "Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hòa.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Công Ba.

2. Ông Nguyễn Văn Đích

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, Tp. Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 71/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2022QĐXXST - DS ngày 03 tháng 8 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 93A/2022/QĐST-HPT ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S. Trụ sở chính: 266 - 268 N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức danh: Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền ký đơn khởi kiện: ông Võ Văn H. Chức danh: Phó Giám đốc Chi nhánh S, theo Quyết định ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27.12.2021 của Tổng Giám đốc và Giấy ủy quyền số 546/ 2021/ GUQ-CNSH ngày 31.12.2021 của Giám đốc Chi nhánh S.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: ông Trương Đình V - chuyên viên xử lý nợ, theo văn bản ủy quyền số 591/2021/GUQ-CNSH ngày 31.12.2021 của Giám đốc Chi nhánh S. *Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*.

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm: 1990; Địa chỉ thường trú: tổ 20 (cũ) nay là tổ 23, phường P, quận S, TP. Đà Nẵng. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S và bản tự khai cũng như ý kiến trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 03 tháng 11 năm 2016, bà Nguyễn Thị Phương L có ký với Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà Phương L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà Lđã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: 76,510,192 đồng. Lãi suất áp dụng 2,15%/tháng, kể từ ngày 15/9/2019 lãi suất 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn) và được Sacombank quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 81,869,800 đồng. (Thứ tự thanh toán theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo Điều 02 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 01/11/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 16/9/2022 bà Nguyễn Thị Phương L còn nợ ngân hàng các khoản sau:

- Dư nợ: 11,441,750 đồng
- Lãi quá hạn: 4,759,680 đồng
- Tổng cộng: **16,201,430 đồng**

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Phương L phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 16,201,430 đồng nói trên. Bà Nguyễn Thị Phương L phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc từ ngày 17/9/2022 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết ngày 03 tháng 11 năm 2016.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa nên không có lời khai của bà Nguyễn Thị Phương L trong hồ sơ vụ án và không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như ý kiến về việc có hay không yêu cầu phản tố.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, phía nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S mặc dù tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng trong quá trình tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn là bà Nguyễn Thị Phương L liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chấp hành quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 280 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị Phương L. Buộc bà Nguyễn Thị Phương L phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 16,201,430 đồng (tính đến ngày 16.9.2022). Trong đó, tiền gốc: 11,441,750 đồng, lãi quá hạn: 4,759,680 đồng; buộc bà Nguyễn Thị Phương L tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 17.9.2022 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính Phủ về thanh toán không dùng tiền mặt và Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30.6.2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng thì tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Nguyễn Thị Phương L là *tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do cùng thời điểm này phải tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử một vụ án khác tại Tòa án nhân dân quận C, thành phố Đà Nẵng; xét thấy việc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt là hoàn toàn chính đáng, không trái pháp luật nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt phía nguyên đơn.

- Bà Nguyễn Thị Phương L (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn

cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Phương L.

[2] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bà Nguyễn Thị Phương L bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03 tháng 11 năm 2016 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, có nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần S đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị Phương L với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng dưới hình thức hạn mức tín dụng, để tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng 2,15%/tháng, kể từ ngày 15/9/2019 lãi suất 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn) và được Sacombank quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay. Theo thỏa thuận, bà Nguyễn Thị Phương L có trách nhiệm thanh toán nợ theo thông báo hàng tháng mà Ngân hàng gửi cho bà theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Sau khi được cấp thẻ, bà Nguyễn Thị Phương L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 76,510,192 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Nguyễn Thị Phương L thanh toán cho Ngân hàng số tiền 81,869,800 đồng (theo thứ tự ưu tiên thanh toán tại Điều 20 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù Ngân hàng đã thực hiện thông báo giao dịch hàng tháng và nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị Phương L vẫn không trả nợ. Do bà Nguyễn Thị Phương L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 01/11/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày xét xử (16.9.2022), bà Nguyễn Thị Phương L còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 11,441,750 đồng;

Lãi quá hạn: 4,759,680 đồng;

Tổng cộng: 16,201,430 đồng.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Phương L phải trả toàn bộ khoản nợ nói trên và yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 17.9.2022 cho đến khi bà Nguyễn Thị Phương L trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03 tháng 11 năm 2016 (kèm theo Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Ngân hàng thương mại cổ phần S với bà Nguyễn Thị Phương L trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình

thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị Phương L đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo thông báo giao dịch của Ngân hàng, liên tục không trả nợ trong nhiều kỳ. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Nguyễn Thị Phương L vẫn không trả được nợ. Do đó, ngày 01/11/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Nguyễn Thị Phương L và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn, áp dụng lãi suất nợ quá hạn trên toàn bộ dư nợ theo quy định của S. Như vậy, bà Nguyễn Thị Phương L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên được cấp thẻ như thỏa thuận tại hợp đồng. Việc khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Phương L phải trả số tiền nợ gốc: 11,441,750 đồng, lãi quá hạn: 4,759,680 đồng, tổng cộng 16,201,430 đồng (tính đến ngày 16.9.2022) là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 280 của Bộ luật dân sự và thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30.6.2016 của Ngân hàng Nhà nước nên cần được chấp nhận.

Lãi suất tiếp tục đ□ợc tính kể từ ngày 17.9.2022 trên số d□ nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03 tháng 11 năm 2016 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S cho đến khi bà Nguyễn Thị Phương L thanh toán xong khoản nợ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S được chấp nhận nên bị đơn là bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cụ thể số tiền bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu là (16,201,430 đồng x 5%) = 810.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003409 ngày 23/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*" của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Nguyễn Thị Phương L.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Phương L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 16,201,430 đồng. Trong đó, nợ gốc 11,441,750 đồng, lãi quá hạn: 4,759,680 đồng (tính đến ngày16.9.2022).

Lãi suất tiếp tục đ□ợc tính kể từ ngày 17.9.2022 trên số d□ nợ gốc theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 03 tháng 11 năm 2016 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S cho đến khi bà Nguyễn Thị Phương L thanh toán xong khoản nợ.

2. Án phí DSST: 810.000 đồng bà Nguyễn Thị Phương L phải chịu. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003409 ngày 23/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận S;
- Chi cục THA dân sự quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phước Hòa